

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ ĐỨC CƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/NQ-HĐND

Đức Cơ, ngày 22 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc phân bổ ngân sách địa phương năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ ĐỨC CƠ
KHOÁ I - KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính-ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, kỳ họp thứ Tư quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 97/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia lai sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 8 Điều 1 Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của

Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 499/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (mới) về việc quyết định dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Gia Lai sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách năm 2025;

Xét Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc phân bổ ngân sách địa phương năm 2025; Báo cáo kết quả thẩm tra số 02/BC-KTNS ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phương án phân bổ ngân sách năm 2025 (có Phương án kèm theo).

Điều 2. Quyết định phân bổ dự toán ngân sách năm 2025, như sau:

I. Dự toán thu ngân sách xã:	81.524,4 triệu đồng
1. Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp:	10.779,2 triệu đồng
2. Thu bổ sung từ cấp trên:	70.745,2 triệu đồng
- Thu cân đối ngân sách:	14.501,2 triệu đồng
- Thu bổ sung có mục tiêu ngân sách:	56.244,0 triệu đồng
II. Dự toán chi ngân sách xã:	81.524,4 triệu đồng
1. Chi đầu tư phát triển:	5.567,2 triệu đồng
Chi đầu tư phát triển (từ nguồn thu tiền sử dụng đất):	5.567,2 triệu đồng
2. Chi thường xuyên:	75.239,0 triệu đồng
+ Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề:	41.825,0 triệu đồng
+ Chi quốc phòng:	1.153,5 triệu đồng
+ Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:	1.162,6 triệu đồng
+ Chi y tế, dân số và gia đình:	92,7 triệu đồng
+ Chi văn hóa thông tin:	1.204,6 triệu đồng
+ Chi phát thanh, truyền hình:	701,3 triệu đồng
+ Chi thể dục thể thao:	525,9 triệu đồng

+ Chi bảo vệ môi trường:	138,5 triệu đồng
+ Chi các hoạt động kinh tế:	6.000,0 triệu đồng
+ Chi cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể:	18.358,2 triệu đồng
+ Chi bảo đảm xã hội:	2.262,0 triệu đồng
+ Chi tiền lương và các khoản chế độ phát sinh:	1.814,9 triệu đồng
3. Chi tạo nguồn cải cách tiền lương:	336,2 triệu đồng
4. Dự phòng ngân sách:	382,0 triệu đồng

(Cụ thể kèm theo các biểu mẫu: 30, 33, 35, 36, 37)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Ủy ban nhân dân xã quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các phòng ban, cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc dự toán ngân sách xã năm 2025 theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Đức Cơ khóa I thông qua tại Kỳ họp thứ Hai, ngày 22 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND, UBND xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các ban, ngành, đoàn thể xã;
- Lưu VT - VP. 

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Cường



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

Phân bổ dự toán chi ngân sách xã năm 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã)

A. Các quy định chung

- Việc bố trí ngân sách nhà nước năm 2025 phải đảm bảo thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản quy định của cấp trên. Phân bổ dự toán chi thường xuyên theo nguyên tắc, nội dung, định mức được quy định tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 119/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị quyết quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 499/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh dự toán dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai (mới) về việc quyết định dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Gia Lai sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

- Xây dựng dự toán được thực hiện theo nguyên tắc cộng nguyên trạng dự toán của 02 xã trước sắp xếp đã được HĐND xã Ia Kriêng, thị trấn Chư Ty thông qua và dự toán chi của các Trường Tiểu học, Mầm non, THCS công lập thuộc UBND huyện Đức Cơ (cũ), dự toán bổ sung cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã theo Quyết định phân bổ của UBND tỉnh.

- Định mức phân bổ của ngân sách được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ với mức tiền lương cơ sở 2.340.000 đồng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được nhà nước đã được giao dự toán từ đầu năm 2025, và biên chế tính đến thời điểm sáp nhập từ ngày 01/7/2025.

- Dự toán chi thường xuyên của lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp khoa học và công nghệ không thấp hơn mức tỉnh phân bổ cho xã.

- Mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp xã để xác định tổng chi thường xuyên, căn cứ quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, kinh phí còn lại sau sáp nhập, các khoản tỉnh bổ sung có mục tiêu, khả năng tài chính – ngân sách, đặc điểm, tình hình ở địa phương, UBND cấp xã xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách cụ thể cho từng lĩnh vực chi trình HĐND cùng cấp phê duyệt theo đúng

quy định của Luật NSNN.

- Thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên tạo nguồn cải cách tiền lương (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ).

- Thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên Nghị quyết số 173/NQ-CP.

- Trong năm ngân sách không giải quyết các Tờ trình xin bổ sung kinh phí của các đơn vị, trừ một số trường hợp như: Điều chỉnh biên chế, điều chỉnh nhiệm vụ chi theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc ý kiến của Ban thường vụ Đảng ủy, UBND xã giao thêm nhiệm vụ chi, nhà nước thay đổi chính sách tiền lương, thay đổi các định mức phân bổ dự toán ngân sách mới, các nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết. UBND xã cân đối sử dụng nguồn dự phòng ngân sách, nguồn kết dư ngân sách, chuyển nguồn năm trước sang, nguồn thực hiện tiền lương cân đối cho các đơn vị.

B. Một số nội dung về mức phân bổ chi ngân sách tại cấp xã

I. Phân bổ chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể

Phân bổ chi thường xuyên để hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan nhà nước (không tính kinh phí hoạt động của Ủy ban MTTQ còn lại sau sáp nhập): **1.502,5 triệu đồng** (chi thường xuyên của Đảng ủy xã sau sáp nhập: **464,4 triệu đồng**; chi thường xuyên của HĐND-UBND sau sáp nhập: **322,6 triệu đồng**; chi thường xuyên huyện chuyển về: **715,5 triệu đồng**), được phân bổ như sau:

1. Phân bổ theo biên chế

- Phân bổ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ quy định của số chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức có mặt tại thời điểm hiện tại, trường hợp được cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp trên giao thêm biên chế thì căn cứ vào nhiệm vụ chi sẽ bố trí kinh phí từ nguồn tiền lương còn lại chưa phân bổ. Các chế độ tiền lương, phụ cấp lương đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Phân bổ phụ cấp cấp ủy, phụ cấp đại biểu HĐND, phụ cấp Cán bộ bán chuyên trách cấp xã tiếp tục sử dụng biên chế được giao, phụ cấp bán chuyên trách thôn làng, chế độ hỗ trợ đối với những người tham gia công việc trực tiếp ở thôn, làng, tổ dân phố; phụ cấp thôn đội, lực lượng ANTT, phụ cấp chức vụ trách nhiệm thôn đội, chi trả theo số lượng thực tế và mức hỗ trợ theo định mức quy định.

- Phân bổ chi thường xuyên hoạt động đối với 43 biên chế (Biên chế có mặt tính đến thời điểm hiện tại): 8,3 triệu đồng/biên chế/6 tháng (Không kể biên chế giao Trung tâm chính trị, biên chế Ban chỉ huy quân sự xã, biên chế MTTQ): **356,9 triệu đồng**.

- Hỗ trợ kinh phí hợp đồng đối với công việc hỗ trợ, phục vụ (theo khoản 3, điều 3, Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022): **240,1 triệu đồng**, cụ thể:

+ Văn phòng Đảng ủy hỗ trợ công việc lái xe: 56,5 triệu đồng/01 hợp đồng/5 tháng;

+ Phòng VH- XH đối với hỗ trợ công việc bảo vệ nghĩa trang: 45,0 triệu đồng/01 hợp đồng/5 tháng;

+ Phòng VH- XH đối với hỗ trợ công việc bảo vệ nghĩa trang: 39,6 triệu đồng/01 hợp đồng/6 tháng;

+ Văn phòng Đảng ủy, Văn phòng HĐND và UBND xã đối với hỗ trợ công việc bảo vệ: 66,0 triệu đồng/02 hợp đồng/5 tháng;

+ Văn phòng Đảng ủy đối với hỗ trợ công việc tạp vụ: 15,0 triệu đồng/01 hợp đồng/5 tháng;

+ Văn phòng HĐND và UBND xã, đối với hỗ trợ công việc tạp vụ: 18,0 triệu đồng/01 hợp đồng/6 tháng.

- Thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi ngân sách theo Nghị quyết 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ tại Báo cáo số 264/BC-UBND ngày 30/6/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ: **119,1 triệu đồng.**

2. Phân bổ bổ sung

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đặc thù của khối Đảng thực hiện theo văn bản quy định cơ chế quản lý tài chính, một số chế độ chi đối với các cơ quan của Đảng trên địa bàn tỉnh Gia Lai của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai, của Ban Thường vụ Đảng ủy đảm bảo hợp lý, tiết kiệm phù hợp với khả năng ngân sách, nhiệm vụ của địa phương.

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đặc thù theo quy định của cơ quan có thẩm quyền của Hội đồng nhân dân (HĐND) xã, Ủy ban nhân dân (UBND) xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (UB MTTQ VN) xã sẽ được tính toán cụ thể, đảm bảo nhu cầu chi hợp lý, tiết kiệm, phù hợp với khả năng ngân sách, nhiệm vụ của địa phương và đơn vị để tổng hợp vào dự toán ngân sách xã.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có các khoản chi chuyên môn phục vụ chung của xã được tính kinh phí cụ thể thực tế, tiết kiệm, hiệu quả.

- Các Ban chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm: chỉ bố trí thêm kinh phí hoạt động nếu được cấp có thẩm quyền quy định.

- 6 tháng cuối năm 2025, phân bổ bổ sung một số nhiệm vụ chi sau khi đã tính tiết kiệm như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN 2025	GHI CHÚ
1	Văn phòng Đảng ủy xã	485,72	
	Kinh phí phục vụ hoạt động của Đảng ủy xã	485,72	(Đã bao gồm kinh phí Đại hội Đảng, BCĐ 35, tiền điện, nước,...)
2	Văn phòng HĐND và UBND	230,68	
-	Kinh phí phục vụ hoạt động của UBND xã	140,68	(Đã bao gồm kinh phí tiền điện, nước,...)
-	Kinh phí hoạt động của HĐND xã	80,0	
-	Kinh phí hòa giải cơ sở	5,0	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN 2025	GHI CHÚ
-	Kinh phí tuyên truyền phổ biến GDPL	5,0	
3	Mặt trận tổ quốc	30,0	
-	Kinh phí đại hội MTTQ	10,0	
-	Kinh phí đại hội Hội LHPN	5,0	
-	Kinh phí đại hội Hội cựu chiến binh	5,0	
-	Kinh phí đại hội Hội nông dân	5,0	
-	Kinh phí đại hội Đoàn thanh niên	5,0	
4	Phòng VH- XH	40,0	
	Kinh phí khen thưởng	40,0	
TỔNG CỘNG:		786,4	

II. Định mức chi phân bổ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề

1. Đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo

1.1. Phân bổ nhiệm vụ chi quỹ lương, chế độ

- Phân bổ tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương theo quy định hiện hành của biên chế viên chức có mặt thực tế, trường hợp được giao biên chế UBND xã sẽ bố trí nguồn tiền lương còn lại.

- Trong năm ngân sách, nếu có sự biến động của giáo viên, nhân viên do tuyển dụng, điều chuyển công tác, nghỉ hưu,... sẽ tính toán lại quỹ lương để điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo chế độ theo quy định.

1.2. Phân bổ nhiệm vụ chi thường xuyên kinh phí giáo dục - đào tạo

a) Phân bổ kinh phí chi thường xuyên

- Kinh phí sự nghiệp giáo dục được tính giao phân bổ dự toán còn lại sau sắp nhật sau khi trừ tiết kiệm chi 10% theo Nghị quyết 173/NQ-CP: **40.866,0 triệu đồng.**

+ Số kinh phí còn lại giao cho các đơn vị được tính bằng tổng kinh phí được giao 6 tháng theo định mức của cấp huyện (cũ) cộng tổng kinh phí tỉnh giao 6 tháng cuối năm theo định mức phân bổ cấp xã trừ số kinh phí chi thường xuyên đã chi 6 tháng đầu năm (phân bổ còn lại theo lớp: 8 triệu đồng/lớp/6 tháng; phân bổ còn lại theo biên chế: 4 triệu đồng/biên chế/6 tháng).

+ Riêng kinh phí đối với Trường dân tộc nội trú, sau khi đã phân bổ có sự thay đổi về cấp quản lý ngân sách sẽ thực hiện điều chỉnh dự toán theo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).

- Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên 10% theo Nghị quyết 173/NQ-CP: **480,5 triệu đồng.**

b) Phân bổ bổ sung

- Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022, được giao bằng với số kinh phí còn lại tại đơn vị.

- Định mức phân bổ tại mục 2 đã tính toán toàn bộ các khoản kinh phí thường xuyên phục vụ cho hoạt động giáo dục (kể cả kinh phí thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm trang thiết bị để nâng cao chất lượng dạy và học trong các cơ sở giáo dục - đào tạo và dạy nghề); thực hiện chương trình đổi mới giáo dục. Riêng kinh phí thực hiện các chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ; Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ như: Trợ cấp chuyển vùng,...sẽ tính toán bổ sung trong năm theo nhu cầu của các đơn vị.

- Chính sách phát triển giáo dục Mầm non theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục Mầm non; Chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ; Chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo - Lao động, Thương binh và Xã hội

- Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; kinh phí thực hiện Nghị định số 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người: Được phân bổ từ đầu năm theo dự toán của đơn vị, trong năm thực hiện điều chỉnh, bổ sung theo nhu cầu thực tế tại đơn vị.

2. Đối với kinh phí Trung tâm chính trị

Được giao nguyên trạng dự toán chi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao về sau sáp nhập: **902,0 triệu đồng.**

Số kinh phí còn lại giao cho các đơn vị được tính bằng tổng kinh phí được giao 6 tháng theo định mức của cấp huyện (cũ) cộng tổng kinh phí tỉnh giao 6 tháng cuối năm theo định mức phân bổ cấp xã trừ số kinh phí chi thường xuyên đã chi 6 tháng đầu năm (phân bổ còn lại theo biên chế: 15 triệu đồng/biên chế/6 tháng).

3. Sự nghiệp giáo dục - Trung tâm học tập cộng đồng

Phân bổ nguyên trạng kinh phí Trung tâm học tập cộng đồng của 02 xã sau sáp nhập cho Phòng Văn hóa - Xã hội: **57,0 triệu đồng.**

III. Đối với các sự nghiệp còn lại

1. Sự nghiệp văn hóa, thông tin; thể thao và phát thanh truyền hình

a) Sự nghiệp văn hóa, thông tin

- Phân bổ tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương, chi thường xuyên theo quy định của số biên chế viên chức được giao, giao nguyên trạng dự toán chi Ủy ban nhân dân tỉnh giao về sau sáp nhập cho Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao: **1.138,0 triệu đồng.**

- Phân bổ nguyên trạng kinh phí văn hóa, thông tin của 2 xã sau sáp nhập cho

Phòng Văn hóa - Xã hội: **66,6 triệu đồng.**

b) Sự nghiệp thể thao

- Phân bổ tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương, chi thường xuyên theo quy định của số biên chế viên chức được giao, giao nguyên trạng dự toán chi Ủy ban nhân dân tỉnh giao về sau sáp nhập cho Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể: **429,5 triệu đồng.**

- Phân bổ nguyên trạng kinh phí sự nghiệp thể thao của 2 xã sau sáp nhập cho Phòng Văn hóa - Xã hội: **96,39 triệu đồng.**

c) Sự nghiệp phát thanh truyền hình

Phân bổ tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương theo quy định của số biên chế viên chức được giao, giao nguyên trạng dự toán chi Ủy ban nhân dân tỉnh giao về sau sáp nhập cho Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao: **701,3 triệu đồng.**

d) Tiết kiệm chi thường xuyên 10%

Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên 10% theo Nghị quyết 173/NQ-CP của Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao: **51,3 triệu đồng.**

2. Sự nghiệp đảm bảo xã hội

- Phân bổ kinh phí tỉnh bổ sung mục tiêu nhiệm vụ cho Phòng Văn hóa - Xã hội để chi trả cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP: **2.018,0 triệu đồng.**

- Phân bổ kinh phí tỉnh bổ sung mục tiêu nhiệm vụ cho Phòng Văn hóa - Xã hội hoạt động nghĩa trang: **63,0 triệu đồng.**

- Phân bổ nguyên trạng kinh phí bảo đảm xã hội của hộ nghèo và hộ chính sách cho Phòng Văn hóa - Xã hội của 02 xã sau sáp nhập: **27,0 triệu đồng.**

- Phân bổ kinh phí tỉnh bổ sung mục tiêu nhiệm vụ cho Phòng Kinh tế để hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách: **154,0 triệu đồng.**

3. Sự nghiệp môi trường.

Phân bổ nguyên trạng kinh phí sự nghiệp môi trường của 2 xã sau sáp nhập cho Phòng Kinh tế: **138,51 triệu đồng.**

4. Sự nghiệp kinh tế:

- Phân bổ nguyên trạng kinh phí sự nghiệp kinh tế của 2 xã sau sáp nhập cho Phòng Kinh tế: **540,0 triệu đồng**, cụ thể:

+ Kinh phí duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông, thủy lợi phúc lợi: 90,0 triệu đồng;

+ Kinh phí chi xây dựng đô thị văn minh: 450,0 triệu đồng.

- Phân bổ kinh phí thực hiện bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ cấp tỉnh bổ sung: **4.687,0 triệu đồng.**

+ Kinh phí dịch vụ quản lý, chăm sóc cây xanh đô thị, giải phân cách vòng xoay: 1.600,0 triệu đồng;

+ Kinh phí dịch vụ chiếu sáng đô thị, rác thải: 3.087,0 triệu đồng.

IV. Đối với phòng ban, các ngành

1. Chi Quốc phòng - An ninh

1.1. Phân bổ kinh phí đối với các hoạt động chi quốc phòng quân sự địa phương

- Phân bổ nguyên trạng kinh phí phục vụ cho các nhiệm vụ về quốc phòng, quân sự địa phương cấp cho Ban chỉ huy quân sự xã của 2 xã sau sáp nhập: **351,5 triệu đồng.**

+ Kinh phí huấn luyện dân quân, trực sẵn sàng chiến đấu: 257,0 triệu đồng;

+ Kinh phí hoạt động thường xuyên: 94,5 triệu đồng.

- Kinh phí chức vụ, phụ cấp đặc thù quốc phòng, kinh phí thôn đội trưởng được phân bổ nguyên trạng theo chế độ được giao.

1.2. Phân bổ kinh phí an ninh

Phân bổ nguyên trạng kinh phí an ninh địa phương cho Công an xã của 2 xã sau sáp nhập: **173,7 triệu đồng.**

- Kinh phí của tổ ANTT: 162,0 triệu đồng.

- Kinh phí toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc: 11,7 triệu đồng.

2. Chi hoạt động của Phòng Văn hóa - Xã hội

Phân bổ nguyên trạng kinh phí chi hoạt động của các hội đặc thù của 2 xã sau sáp nhập: **33,9 triệu đồng.**

3. Chi hoạt động của Phòng Kinh tế

- Phân bổ nguyên trạng kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ; Chương trình MTQG của 2 xã sau sáp nhập: **773,0 triệu đồng.**

+ Kinh phí di tích chiến thắng đồi Chư Ty: 150,0 triệu đồng;

+ Kinh phí trang trí tết Nguyên Đán Ất Ty: 300,0 triệu đồng;

+ Kinh phí thực hiện dự án chuyển đổi cây trồng phù hợp với mục đích lâm nghiệp trên đất quy hoạch lâm nghiệp: 130,0 triệu đồng;

+ Kinh phí công tác bảo vệ rừng cấp xã: 3,0 triệu đồng;

+ Kinh phí công tác bảo vệ rừng hương: 60,0 triệu đồng;

+ Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới vốn sự nghiệp: 130,0 triệu đồng.

4. Hoạt động của Ủy ban Mặt trận tổ quốc VN xã

Phân bổ nguyên trạng kinh phí hoạt động của Ủy ban MTTQ VN xã, Hội LHPN, hội Cựu chiến binh, Hội nông dân, Đoàn thanh niên của 2 xã sau sáp nhập: **378,1 triệu đồng, cụ thể:**

- Mặt trận tổ quốc xã: **193,43 triệu đồng**, trong đó:

+ Kinh phí thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" của Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã (Nghị quyết 88/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2021): 45,0 triệu đồng;

+ Kinh phí hỗ trợ đối với Ban Công tác mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và các phong trào được phát động ở địa phương", bao gồm cả kinh phí khen thưởng thôn, làng (Nghị quyết 88/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2021): 76,0 triệu đồng;

+ Kinh phí khoán hoạt động theo Nghị quyết 73/2023/NQ-HĐND ngày

08/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai: 44,93 triệu đồng;

+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động Ban thanh tra nhân dân theo Thông tư 04/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025: 9,5 triệu đồng;

+ Kinh phí hỗ trợ giám sát đầu tư cộng đồng theo Nghị định 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021: 18,0 triệu đồng.

- Đoàn thanh niên: **49,93 triệu đồng**, trong đó:

+ Kinh phí khoán hoạt động theo Nghị quyết 73/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai: 44,93 triệu đồng;

+ Kinh phí hoạt động hè: 5,0 triệu đồng.

- Hội LHPN (Kinh phí khoán hoạt động theo Nghị quyết 73/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai): **44,93 triệu đồng**.

- Hội nông dân (Kinh phí khoán hoạt động theo Nghị quyết 73/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai): **44,93 triệu đồng**.

- Hội Cựu chiến binh (Kinh phí khoán hoạt động theo Nghị quyết 73/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai): **44,93 triệu đồng**.

V. Chi tạo nguồn cải cách tiền lương:

- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương nguyên trạng 2 xã sau sáp nhập: **336,2 triệu đồng**.

- Kinh phí tiền lương và các khoản chế độ khác phát sinh ngân sách xã: **1.814,9 triệu đồng**.

VI. Chi đầu tư phát triển: Chi đầu tư từ nguồn tiền sử dụng đất: **5.567,2 triệu đồng**.

VII. Dự phòng ngân sách cấp xã: Bố trí nguyên trạng của 2 xã sau sáp nhập: **382,0 triệu đồng**.

Trên đây là phương án phân dự toán chi ngân sách xã năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Khố I, Kỳ họp thứ Hai, nhiệm kỳ 2021-2025.

Lưu ý:

- Phân bổ ngân sách nêu trên đã bao gồm toàn bộ các nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã.

- Các nhiệm vụ chi đột xuất, phát sinh ngoài dự toán và nhiệm vụ cấp thiết khi có ý kiến của cơ quan cấp trên, Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực HĐND thì Chủ tịch UBND xã quyết định mức chi đảm bảo, tiết kiệm và hiệu quả từ nguồn kết dư ngân sách, chuyển nguồn ngân sách và dự phòng ngân sách.



Biểu mẫu số 30

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 05/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Đức Cơ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	B	3
-	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	81.524,4
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	10.779,2
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	70.745,2
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	14.501,2
-	Thu bổ sung có mục tiêu	133,0
-	Thu bổ sung mục tiêu tỉnh giao đưa vào chi thường xuyên	56.111,0
3	Thu từ nguồn huy động đóng góp	-
4	Thu kết dư	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-
II	Chi ngân sách	81.524,4
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	81.524,4
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới (2)	
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	
-	Chi bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số: 05/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Đức Cơ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	3
	TỔNG CHI NSDP	81.524,4	81.524,4
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	81.391,4	81.391,4
I	Chi đầu tư phát triển	5.567,2	5.567,2
1	Chi đầu tư cho các dự án	5.567,2	5.567,2
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		
-	Chi khoa học và công nghệ		
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn		
-	Chi nguồn tiền sử dụng đất	5.567,2	5.567,2
-	Chi từ nguồn huy động đóng góp	-	-
2	Chi cho vay tín dụng ưu đãi cho người nghèo và đối tượng chính sách	-	-
II	Chi thường xuyên	73.291,2	73.291,2
	Trong đó:		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	41.825,0	41.825,0
2	Chi khoa học và công nghệ	-	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	-	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-	
V	Dự phòng ngân sách	382,0	382,0
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	2.151,1	2.151,1
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	133,0	133,0
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	130,0	130,0
-	Chi chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	130,0	130,0
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	3,0	3,0
	Kinh phí tăng cường bảo vệ rừng cấp xã	3,0	3,0

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Đức Cơ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm	Dự toán đã chi	Dự toán còn lại	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)			Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
						Tổng cộng	Trong đó						Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
							Chi chế độ	Thường xuyên								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ	81.524,4	11.097,2	70.427,2	4.926,8	65.034,3	11.766,9	53.267,3	-	-	-	336,2	130,0	-	130,0	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	73.424,2	10.389,8	63.034,4		62.904,4	9.637,0	53.267,3	-	-	-	-	130,0	-	130,0	-
1	Văn phòng HĐND - UBND	8.684,9	5.499,8	3.185,1		3.185,1	2.717,1	468,0			-					
-	Hoạt động VP HĐND- UBND	6.368,8	4.060,6	2.308,2		2.308,2	1.926,9	381,3								
-	Công an xã	1.162,6	647,7	514,9		514,9	447,3	67,6								
-	Ban CH quân sự xã	1.153,5	791,5	362,0		362,0	342,9	19,1								
2	Phòng kinh tế	6.959,3	914,5	6.044,8		5.914,8	625,0	5.289,8					130,0		130,0	
3	Phòng VH - XH	3.295,8	109,1	3.186,7		3.186,7	759,5	2.427,2								
4	Trung Tâm phục vụ hành chính công	523,2	-	523,2		523,2	490,0	33,2			-					
5	Văn phòng Đảng ủy	5.253,1	1.522,7	3.730,4		3.730,4	2.105,4	1.625,0			-					
-	Hoạt động VP Đảng ủy	4.351,1	1.522,7	2.828,4		2.828,4	2.105,4	723,0								
-	Trung tâm chính trị	902,0	-	902,0		902,0	-	902,0	-		-					
6	Ủy ban mặt trận TQ Việt Nam	5.573,2	2.343,7	3.229,5		3.229,5	2.940,1	289,5			-					
-	Hoạt động MTTQ	1.540,1	585,5	954,6		954,6	780,0	174,6								
-	Đoàn Thanh niên	1.036,8	444,3	592,5		592,5	560,1	32,5			-					
-	Hội Liên hiệp phụ nữ	1.095,1	477,6	617,5		617,5	590,0	27,5			-					
-	Hội nông dân	1.007,6	460,2	547,4		547,4	520,0	27,5			-					
-	Hội cựu chiến binh	893,6	376,1	517,5		517,5	490,0	27,5			-					
7	Trường THCS Quang Trung	4.907,0		4.907,0		4.907,0		4.907,0								
8	Trường THCS Nguyễn Hiền	3.807,2		3.807,2		3.807,2		3.807,2								
9	Trường THCS Trần Quốc Toàn	3.681,2		3.681,2		3.681,2		3.681,2			-					
10	Trường THCS Nội Trú	5.123,2		5.123,2		5.123,2		5.123,2			-					
11	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	5.003,0		5.003,0		5.003,0		5.003,0			-					



**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số: 05/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Đức Cơ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Kế hoạch đầu tư năm 2025	Ghi chú
1	2	3	4	10	12
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D)			5.567,2	
-	Tiền sử dụng đất			5.567,2	
1	Trường THCS Trần Quốc Toản	Làng Ấp	2024-2025	1.000,0	
2	Đường giao thông nội làng Hrang	Làng Hrang	2025	459,0	
3	Đường giao thông làng Krai, từ đường liên huyện (Nhà bà Hoài) đến nhà ông Thường.	Làng Krai	2025	189,0	
4	Đường giao thông làng Lung Prông gồm 3 tuyến (T1 : Từ nhà Kpuih Sót đến nhà Ông Thuyên ; T2 từ nhà ông Việt đến nhà ông Bung , T3 từ nhà ông Huyền đến nhà ông Siu Ky)	Làng Lung Prông	2024	160,0	
5	Đường giao thông nội đồng làng Ấp (từ nhà ông Rơ Mah Huy đến cánh đồng làng)	Làng Ấp	2024-2025	121,0	
6	Đường giao thông nội làng Lung Prông (từ nhà Chu đến nhà ông Xuân)	Làng Lung Prông	2024-2025	175,6	
7	Đường giao thông làng Pnuk (L=1250m)	Làng Pnuk	2025	1.400,0	

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Kế hoạch đầu tư năm 2025	Ghi chú
8	Quy hoạch chi tiết các thôn dân cư và trung tâm cụm xã	xã Ia Kriêng	2025	392,4	
9	Dự phòng tiền sử dụng đất			1.670,2	

(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND xã Đức Cơ)

[illegible]